

## TÍNH TẤT YẾU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hoa, Dư Thị Huyền\*

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

\* Email: huyendhkh83@gmail.com

*Ngày nhận bài: 12/01/2026; ngày hoàn thành phản biện: 3/3/2026; ngày duyệt đăng: 20/3/2026*

### TÓM TẮT

Qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ năm 1986 đến nay đã thu được những thắng lợi, thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. 40 năm, thực tiễn đã chứng minh quyết định đổi mới là yếu tố quan trọng nhất để giúp đất nước chuyển mình mạnh mẽ; đưa đất nước ta từ một nước nghèo trên thế giới trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Đất nước ta được xây dựng ngày càng đàng hoàng hơn, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện căn bản, toàn diện hơn, vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Có được những thành tựu to lớn đó, một trong những nguyên nhân quan trọng là do Đảng ta đã kiên định vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, không ngừng đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới.

**Từ khóa:** 40 năm, đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước.

### 1. MỞ ĐẦU

“Đổi mới” được Đảng ta xác định là “nhằm kế thừa và phát huy những thành quả và giá trị mà chủ nghĩa xã hội đã đạt được, thay đổi, uốn nắn những quan điểm, nhận thức về chủ nghĩa xã hội chưa được xác định đúng hoặc hiện nay không phù hợp với tình hình mới, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, đồng thời xây dựng những chính sách mới, những giải pháp phù hợp với cuộc sống để đưa chủ nghĩa xã hội lên một giai đoạn mới” [2, tr.12].

Đối với nước ta, hơn lúc nào hết, đổi mới đã trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là con đường vươn lên để khẳng định mình trước thế giới hiện đại, là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại. Có thể nói, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam, nước ta chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn thực hiện công cuộc đổi mới “đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự

nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn” [1, tr.125]. Đảng ta chỉ rõ: “Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, thấy những sai lầm để sửa chữa, nhằm vận dụng tốt chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, động viên tính năng động, sáng tạo và khả năng vô tận của nhân dân lao động” [1, tr.7-8].

## **2. NỘI DUNG**

Trước năm 1986, bên cạnh những thành quả đạt được, chúng ta đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, về nhận thức lý luận; vừa bảo thủ, trì trệ bởi những tư duy cũ, vừa nóng vội muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội một cách duy ý chí. Đất nước đối mặt với bao thách thức; cuộc sống của nhân dân gặp muôn vàn khó khăn. Vì vậy, đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Gần 40 năm qua, đất nước ta đã đạt những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là do thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới đúng đắn mà Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

### **2.1. Tính tất yếu của đổi mới ở Việt Nam có một số đặc thù sau:**

*Thứ nhất*, không thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, coi kinh tế quốc doanh và tập thể là chủ yếu, muốn nhanh chóng xóa bỏ sở hữu tư nhân; xây dựng nền kinh tế khép kín, hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước. Thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng trên thực tế là bình quân, cào bằng, ít quan tâm đến lợi ích cá nhân. Nhà nước thực hiện chế độ bao cấp tràn lan tạo ra tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước, không phát huy được tính năng động và tích cực của người lao động. Vì vậy, mô hình kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp cần được thay thế bằng một mô hình khác. Đây là một trong những yêu cầu cấp bách phải tiến hành đổi mới ở Việt Nam.

*Thứ hai*, phân tích một cách sâu sắc đặc điểm kinh tế của Việt Nam, trong đó đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta lại trải qua hàng chục năm chiến tranh mà hậu quả của nó còn để lại rất nặng nề. Thêm vào đó là thiên tai liên tiếp xảy ra trong nhiều năm làm cho Việt Nam vốn đã nghèo nàn và lạc hậu lại chông chênh thêm những khó khăn to lớn: GDP tính theo đầu người vào diện thấp nhất thế giới; cơ sở vật chất - kỹ thuật lạc hậu; lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề; tuyệt đại bộ phận là lao động thủ công, năng suất lao động rất thấp; đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

Chính từ thực trạng này, con người Việt Nam phải tìm mọi cách để thoát ra thực tế khắc nghiệt này để tự cứu lấy mình.

*Thứ ba*, sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta không còn được nhận sự giúp đỡ nhiều từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em như thời kháng chiến nữa. Hơn nữa, Mỹ và một số nước phương Tây tiến hành bao vây, cấm vận Việt Nam trong hàng thập niên, gây tổn thất lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Thêm vào đó, Việt Nam cùng lúc phải đối phó với hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam (1978 - 1989) và ở biên giới phía Bắc (1979 - 1989), đất nước thực chất chưa có hòa bình, buộc phải đầu tư quá lớn cho quốc phòng, ảnh hưởng nhiều đến xây dựng kinh tế. Trong thời kỳ “vấn đề Campuchia” chưa được giải quyết, quan hệ giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và đa số các nước khác trở nên bất bình thường, thậm chí có lúc Việt Nam gần như bị cô lập trên diễn đàn quốc tế. Trong hoàn cảnh như vậy, không có con đường nào khác là phải thay đổi cách nghĩ, cách làm; thay đổi đường lối, chủ trương; thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại để thoát ra khỏi tình trạng khó khăn ấy.

*Thứ tư*, các cuộc cải cách, cải tổ từ phía các nước cũng ảnh hưởng đến quá trình đổi mới ở Việt Nam như: tháng 4/1985 Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã đề xướng công cuộc cải tổ, tuy nhiên trong quá trình cải tổ, cùng với sai lầm về mô hình Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Xô viết đã mắc nhiều sai lầm về chủ trương và cách làm nên cải tổ không thành công và dẫn đến Liên Xô tan rã và chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ tháng 12/1991; Hội nghị Trung ương lần thứ ba khóa XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức khởi xướng công cuộc cải cách và mở cửa. Nhờ tiến hành cải cách và mở cửa với trình tự và bước đi thích hợp, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn, các nước và lãnh thổ Đông Á khác, nhất là những “con rồng” châu Á (Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông) cũng có nhiều cải cách thành công.

Các cuộc cải cách, cải tổ của các nước dù thất bại hay thành công đều ảnh hưởng đến Việt Nam, thúc đẩy Việt Nam đi tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng theo cách của mình. Và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là bước ngoặt đã thúc đẩy mạnh mẽ cho quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Từ sự phân tích trên cho thấy, sự nghiệp đổi mới đất nước là một tất yếu khách quan, là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn mới. Bởi vì, nó là hiện thân của sự nghiệp giải phóng và phát triển: đổi mới là để thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng, để vượt qua những lạc hậu, những trở lực kìm hãm có trong những hạn chế, khuyết tật của mô hình cũ, mô hình mang nặng dấu ấn của sai lầm chủ quan, duy ý chí, để giải phóng và khai thác mọi tiềm năng phát triển của xã hội nhằm thực hiện chủ nghĩa xã hội đích thực: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, dân chủ, văn minh. Đổi mới không phải là từ bỏ chủ nghĩa xã hội, mà là nhận thức lại và khẳng định tính quy luật của quá trình đó, làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đúng với quy luật khách quan hơn, phù hợp hơn với

những quy luật đã được nhận thức, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của đất nước, với đặc điểm và xu thế phát triển của thế giới đương đại.

## **2.2. Đổi mới ở Việt Nam là quá trình đấu tranh giữa cái mới và cái cũ trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực đổi mới tư duy**

Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chịu sự tác động trực tiếp của những nhân tố quốc tế và thời đại, của tình hình khu vực và thế giới. Giữa lúc Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, trên thế giới đã diễn ra những biến đổi lớn lao. Những biến đổi ấy vừa tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam, vừa gợi ra những bài học kinh nghiệm quý báu [8, tr.3-13].

*Trước hết*, công cuộc cải cách kinh tế ở nước láng giềng Trung Quốc theo hướng kinh tế thị trường - mở cửa (diễn ra từ năm 1978) đã thu được những thành tựu to lớn. Với những thành tựu này, Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.

*Thứ hai*, sự không thành công của công cuộc cải tổ ở Liên Xô và Đông Âu đã dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở những nước này. Sự kiện này để lại những bài học kinh nghiệm đắt giá, nhất là bài học về lựa chọn con đường, cách thức và phương pháp cải tổ, về giải quyết mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, giữa kinh tế và chính trị trong quá trình cải tổ.

*Thứ ba*, thành công của các nước “công nghiệp mới” ở khu vực Đông Á với chiến lược phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá “rút ngắn” vừa dựa vào nội lực, vừa mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Đây là một giải pháp phát triển mang ý nghĩa chiến lược quan trọng, là một kinh nghiệm cho sự lựa chọn phương thức phát triển mới của chúng ta, bởi Việt Nam và các nước Đông Á vốn xuất phát từ những nước nông nghiệp, có sự tương đồng về các điều kiện văn hoá - xã hội Á Đông.

*Thứ tư*, xu hướng hợp tác và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng và tăng cường, toàn cầu hoá kinh tế ngày càng trở thành một xu thế khách quan. Bối cảnh mới đó đã buộc các quốc gia phải định hướng lại tư duy về vấn đề phát triển, trong đó phát triển kinh tế trở thành mục tiêu hàng đầu. Các nước đều có xu hướng đẩy nhanh quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Toàn bộ tình hình trên đây, ở trong nước cũng như ở bên ngoài, đã tác động đến Việt Nam về cả hai phương diện. Một mặt, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục công cuộc đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, tiếp tục giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới. Mặt khác, nó tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện cho công cuộc đổi mới diễn ra thuận lợi hơn. Nhận thức được sự thay đổi của tình hình và tính tất yếu của quá trình đổi mới.

Vì lẽ đó, từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, trong lòng xã hội Việt Nam đã chín muồi những yêu cầu bức xúc của một cuộc cách tân, đổi mới. Đó chính là đòi hỏi khách quan từ thực tiễn cuộc sống, trước hết là từ tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, sau đó là những ảnh hưởng tích cực dội vào từ bên ngoài theo xu thế đổi mới của thế giới hiện đại. Thực ra, tín hiệu của sự đổi mới đã được phát ra từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa (năm 1979) với Nghị quyết về những biện pháp cấp bách nhằm tháo gỡ những khó khăn về kinh tế, "làm cho sản xuất bung ra". Nhưng tình hình đất nước sau đó vẫn ở trong tình trạng khó khăn, khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Phải đến Đại hội VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đổi mới mới thực sự mang ý nghĩa bước ngoặt. Đại hội đã quyết định đường lối đổi mới của đất nước. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội VI của Đảng đã thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế của nền kinh tế kế hoạch, phi hàng hóa, phi thị trường, đồng thời nhấn mạnh phải đổi mới toàn diện, trong đó phải đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế. Đây là bước đột phá quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng, tạo tiền đề cho việc triển khai đồng bộ các giải pháp đổi mới trên mọi lĩnh vực, nhất là đổi mới về kinh tế để chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau năm 1986, quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng ta tiếp tục diễn ra từng bước theo hướng vừa làm vừa thử nghiệm, sửa đổi, bổ sung, cải tiến trên cơ sở đúc rút những kinh nghiệm của thực tiễn. Đảng ta từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế cũ, dần hình thành cơ chế mới - cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, quá trình đổi mới của Việt Nam có những bước ngoặt lớn. Sau 10 năm đầu (1986 - 1996) giải quyết thành công cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội để đi vào ổn định và phát triển, từ đó chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với 10 năm kế tiếp (1996 - 2006), đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển trở thành một nước phát triển trung bình của thế giới, dù còn là trung bình thấp. Trong 10 năm tiếp theo (2006 - 2016), Việt Nam thoát khỏi nhóm nước nghèo, kém phát triển, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể, Việt Nam hoàn thành sớm nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WHO) năm 2007, đánh dấu bước hội nhập sâu rộng, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu. Đại hội XII (2016) của Đảng khẳng định: Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử [4, tr.16-17]. Đến Đại hội XIII (2021) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước; phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân

tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [5, tr.36].

Như vậy, qua gần 40 năm đổi mới, "đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, là nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước" [5, tr. 103-104].

Trong gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

Về kinh tế: Kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2006 - 2020 đạt 6%/năm (riêng năm 2020 (năm dịch Covid) tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91% là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô và tiềm lực nền kinh tế được nâng lên (năm 2010 đạt 115,93 tỷ USD, năm 2015 đạt 193,24 tỷ USD, năm 2019 đạt 261,92 tỷ USD, năm 2020 đạt 343 tỷ USD). Bình quân thu nhập đầu người tăng nhanh (năm 2020: 3.548,89 USD; năm 2021: 3.756.89 USD; năm 2023: 4.324,05 USD. 2024: 4.522,54 USD; năm 2025: 5.026 USD). Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam đứng thứ 76 /140 nền kinh tế thế giới (năm 2025) [9].

Về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển. Chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Chú trọng đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Chi đầu tư cho giáo dục và xã hội hóa giáo dục được tăng cường.

Khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được tăng cường.

Văn hóa, xã hội "Phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng". Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng chủ trương từ năm 1998 không ngừng được bổ sung, phát triển. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Văn hóa gắn liền với xây dựng con người.

Quá trình đổi mới đã từng bước được hoàn thiện đồng bộ và thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo. Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân, thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách đối với người có công; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn dưới 3%, hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc.

Về chính trị- xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang

Về quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế: tiến trình hội nhập quốc tế ở nước ta phát triển sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực và phát triển kinh tế - xã hội. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt thành tựu nổi bật. Hiện nay, tính đến tháng 02/2026, Việt Nam đã có 15 nước có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện là: Trung Quốc (tháng 05/2008), Liên Bang Nga (tháng 07/2012), Ấn Độ (tháng 09/2016), Hàn Quốc (tháng 12/2022), Hoa Kỳ (tháng 09/2023), Nhật Bản (tháng 11/2023), Australia (tháng 03/2024), Pháp (tháng 10/2024), Malaysia (tháng 11/2024), NewZealand (tháng 02/2025), Indonesia (03/2025), Singapore (tháng 03/2025), Thái Lan (tháng 05/2025), Vương quốc Anh (tháng 10/2025) và Liên minh châu Âu (EU) (tháng 01/2026). Việt Nam chủ động và tiếp cận hội nhập kinh tế toàn diện, sâu rộng; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Những thành tựu đó là những minh chứng rõ nét cho tính đúng đắn của đường lối phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng của một nước có thu nhập thấp; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, ổn định chính trị - xã hội được bảo đảm, định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, an ninh quốc phòng được củng cố vững chắc, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh thêm.

Chính đổi mới đã đưa nước ta từ chỗ thiếu thốn, có khi phải nhập lương thực, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi gia đình và mọi người dân lại có những nét mới mẻ, tươi tắn như hôm nay. Đổi mới đã giúp chúng ta vừa kế thừa và phát huy những thành quả tốt đẹp đã đạt được trước đây vừa có cách nghĩ khác trước, nghe khác trước, nhìn khác trước, làm khác trước, phù hợp với

tình hình đang phát triển. Đổi mới đã đem đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức đổi chân chúng ta đi thêm những bước dài trên con đường hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, trong tiến trình đi lên, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta không quên rằng đất nước mình vẫn còn nghèo, sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền, còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, mà những nhân tố đó còn có phần tăng thêm. Tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam chủ yếu vẫn dựa vào mô hình tăng trưởng truyền thống, chưa gắn bó chặt với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của phát triển kinh tế, cũng như nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng hợp tác ở những lĩnh vực khác chưa được triển khai đồng bộ, còn thiếu sự liên kết trong một chiến lược tổng thể. Cơ chế chỉ đạo, quản lý, phối hợp và giám sát tiến trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các bộ, ngành vẫn tồn tại không ít hạn chế. Đồng thời, chất lượng nguồn nhân lực và hệ thống hạ tầng chậm được nâng cấp; năng lực của đội ngũ cán bộ cùng cộng đồng doanh nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu ngày càng cao của tiến trình hội nhập quốc tế.

Như vậy, đổi mới không phải là mục đích tự thân mà là cách thức, phương tiện để xác lập sự ổn định mới nhằm làm cho đất nước ta vững bước trên con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Chúng ta càng nhận thức đầy đủ và sâu sắc tính tất yếu của quá trình đổi mới - điều này phụ thuộc phần lớn vào ý chí, ý thức, khả năng phê phán trên quan điểm biện chứng và phương pháp sáng tạo của chúng ta đối với thực hiện - thì càng có nhiều khả năng đưa tư tưởng đổi mới giữ vững định hướng, có nội dung toàn diện, có tính chất nhất quán. Từ đường lối đổi mới đến hành động đổi mới và đổi mới có kết quả là cả một quá trình lâu dài, đầy những tìm tòi và thử nghiệm, trải qua nhiều khó khăn, phức tạp. Ở đây, nhận thức đúng đắn là cần thiết nhưng chưa đủ. Tâm vóc và tính chất của sự nghiệp cách mạng này đòi hỏi những nỗ lực to lớn và sự sáng tạo phi thường trong hoạt động thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Với ý nghĩa đó, đổi mới thực sự đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng đất nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với những thành tựu đã đạt được, chúng ta có thể “ khẳng định rằng đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại” [6, tr.15]. Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới: “đó là tổng thể các quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa xã hội; nhân dân là trung tâm, là chủ thể; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội với ba trụ cột nền tảng: Nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội". [6, tr.16-17].

### 3. KẾT LUẬN

Như vậy, qua 40 năm đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình với định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững; vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam từng bước được nâng cấp; đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng an ninh được đảm bảo vững chắc. Những thành tựu đó là những minh chứng rõ nét cho tính đúng đắn của đường lối phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, công cuộc đổi mới luôn được Đảng ta xác định rõ ngay trong chủ đề của Đại hội. Đại hội XI của Đảng xác định "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới..." [3, tr. 14]. Đại hội XII cũng nhấn mạnh "... đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới" [4, tr.11]. Chủ đề của Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: "...tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới..." [5, tr. 14].

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa VI*, NXB. Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Ban chấp hành Trung ương.
- [7]. Dương Phú Hiệp (2008): *Triết học và Đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Trần Đức Lương (2002): *Đổi mới: Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam*. Tạp chí Cộng sản, số 4+5, tr.3-13.
- [9]. <https://vnexpress.net/viet-nam-xep-hang-4-khu-vuc-ve-nang-luc-canh-tranh-nhan-tai-4987480.html>

## **THE INEVITABILITY OF THE RENOVATION PROCESS IN VIETNAM**

**Nguyen Thi Hoa, Du Thi Huyen\***

University of Sciences, Hue University

\* Email: huyendhkh83@gmail.com

### **ABSTRACT**

Over the past 40 years of carrying out the renovation (Đổi mới) process initiated by the Communist Party of Vietnam since 1986, the country has achieved great victories and significant accomplishments of historic importance. In these four decades, practice has proven that the decision to pursue renovation was the most crucial factor enabling the nation to transform itself profoundly – moving from one of the world’s poor countries to a developing country with middle income. The country has been built in an increasingly more stable and dignified manner; people’s living standards have been fundamentally and comprehensively improved; and the nation’s position in the international arena has been steadily enhanced. These major achievements have been made possible in part because the Party has consistently and creatively applied the theories of Marxism–Leninism and Ho Chi Minh Thought to the practical process of building socialism in Vietnam, while continuously promoting a comprehensive and synchronized renovation effort.

**Keywords:** 40 years, renovation, Communist Party of Vietnam, country.